

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/DS-ST
Ngày: 08-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;
2. Ông Võ Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Thảo Vy – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 590/2023/TLST-DS ngày 18-12-2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-DS ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hữu T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A, hẻm G, tổ A, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Cao Tiến Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Số C, đường G, Khu phố E, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Đỗ Thanh T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh (Tòa không triệu tập do anh Q chấm dứt ủy quyền với ông T1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Hữu T trình bày:

Ngày 06/12/2022, ông có cho anh Cao Tiến Q vay số tiền 3.580.000.000 đồng, trong số tiền 3.580.000.000 đồng có khoảng 150.000.000 đồng tiền lãi, hai

bên có làm hợp đồng vay tiền, hợp đồng có công chứng ngày 06/12/2022 tại Văn phòng C1, theo hợp đồng thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 14/12/2022, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng.

Ngày 09/10/2023, ông chuyển khoản cho anh Q mượn số tiền 5.000.000 đồng.

Do anh Q không trả tiền nên ngày 11/5/2023 ông và anh Q thỏa thuận về việc trả tiền và viết văn bản thỏa thuận trả tiền, cụ thể:

Ngày 03/6/2023 anh Q trả số tiền là 500 triệu -700 triệu đồng;

Ngày 21/6/2023 anh Q trả số tiền là 1.500.000.000 triệu đồng;

Ngày 06/7/2023 anh Q trả số tiền là 500 triệu -700 triệu đồng;

Ngày 21/7/2023 anh Q trả số tiền là 500 triệu -700 triệu đồng;

Ngày 11/8/2023 anh Q trả hết số tiền còn lại. Trong văn bản thỏa thuận có ghi hai bên tính tiền lãi suất là 2%/tháng, anh Q không thực hiện như văn bản thỏa thuận trả tiền đã ký.

Nay ông T yêu cầu anh Cao Tiến Q trả cho ông số tiền vay gốc 3.585.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi suất tính từ ngày 06/12/2022 đến khi xét xử sơ thẩm mức lãi suất 1,66%/tháng của số tiền gốc 3.580.000.000 đồng. Riêng số tiền 5.000.000 đồng cho mượn ngày 9/10/2023 không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn, anh Cao Tiến Q và người đại diện theo ủy quyền của anh Q trình bày:

Anh Q có vay tiền của ông Trần Hữu T số tiền 3.580.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền, hợp đồng có công chứng ngày 06/12/2022 tại Văn phòng C1, theo hợp đồng thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 14/12/2022; ngày 09/10/2023 ông Trung chuyển k cho anh Q mượn số tiền 5.000.000 đồng, thừa nhận 02 bên có thỏa thuận về việc trả tiền nên ngày 11/5/2023 ông Trung lập văn bản thỏa thuận về việc trả tiền như ông T trình bày là đúng, anh Q xem và ký tên ghi họ và tên vào văn bản thỏa thuận. Số tiền nợ ông T anh Q đã chuyển khoản trả cho ông T tiền gốc xong, chỉ còn nợ tiền lãi khoảng 1.000.000.000 đồng. Không đồng ý trả tiền gốc và lãi như ông T yêu cầu.

Ngày 24/5/2024, anh Cao Tiến Q có đơn phản tố yêu cầu hủy 03 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho rằng các hợp đồng chuyển nhượng có liên quan đến việc vay tiền của ông T, ký hợp đồng chuyển nhượng là do ông T kêu ký chuyển nhượng đất cho bên ông T để đảm bảo khoản vay 3.580.000.000 đồng do anh còn nợ tiền ông T nên đồng ý ký hợp đồng chuyển nhượng, cụ thể:

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/4/2023 giữa bên chuyển nhượng ông Cao tiến Q1; bên nhận chuyển nhượng bà Trịnh Thị Thu

T2, đối với thửa đất số 491, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.175,7 m² tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/6/2023 giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Minh T3, bà Cao Thị C; bên nhận chuyển nhượng bà Trịnh Thị Thu T4 đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 15, diện tích 132,6 m² tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/6/2023 giữa bên chuyển nhượng ông Cao Tiến Q; bên nhận chuyển nhượng ông Trần Hữu T, đối với thửa đất số 281, tờ bản đồ số 242, diện tích 3.000 m² tọa lạc tại khu Đ, thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Các phần đất nêu trên đã sang tên cho người nhận chuyển nhượng đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa:

Ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Q trả cho ông số tiền vay gốc 3.400.000.000 đồng như trong văn bản thỏa thuận ngày 11/5/2023 mà hai bên đã ký và yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 14/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm mức lãi suất 1,66%/tháng của số tiền gốc 3.400.000.000 đồng, tính chẵn là 19 tháng. Riêng số tiền 5.000.000 đồng cho mượn ngày 9/10/2023 không yêu cầu tính lãi suất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, giải quyết vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326 chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hữu T đối với anh Cao Tiến Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Q có trách nhiệm trả cho ông T số tiền nợ gốc 3.400.000.000 đồng và lãi suất 1,66% tính từ ngày 14/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm và 5.000.000 đồng mượn ngày 09/10/2023.

Đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông T khởi kiện yêu cầu anh Q trả tiền vay 3.585.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi; bị đơn có nơi cư trú: Số C, đường G, khu phố E,

phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Anh Cao Tiến Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông T khởi kiện yêu cầu anh Q trả cho ông số tiền vay gốc 3.585.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 14/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm mức lãi suất 1,66%/tháng của số tiền gốc 3.400.000.000 đồng, tính chẵn là 19 tháng. Riêng số tiền 5.000.000 đồng cho mượn ngày 9/10/2023 không yêu cầu tính lãi suất. Chứng cứ chứng minh là hợp đồng vay tiền có công chứng ngày 6/12/2022 (bản chính), tin nhắn đã chuyển tiền, văn bản thỏa thuận trả tiền do ông T viết nội dung, anh Q ký tên ghi họ và tên bên nhận nợ (bản chính).

Quá trình giải quyết vụ án anh Q thừa nhận có vay, mượn của ông T tiền gốc là 3.585.000.000 đồng, thừa nhận hai bên có làm hợp đồng vay tiền ngày 06/12/2022, làm văn bản thỏa thuận trả tiền ngày 11/5/2023 hai bên cùng ký tên. Qua xem xét văn bản thỏa thuận trả tiền ngày 11/5/2023 tính đến ngày 11/5/2023 số tiền vay vẫn còn nguyên, tại phần phụ lục trong văn bản này có ghi số tiền gốc là 3.400.000.000 đồng.

Xét thấy, anh Q thừa nhận có vay tiền của ông T, qua thời gian thỏa thuận trả tiền, ông T khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc là có cơ sở chấp nhận.

Anh Cao Tiến Q cho rằng anh đã chuyển khoản trả cho ông T tiền gốc nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu lãi suất: Ông T yêu cầu tính mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 14/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại văn bản thỏa thuận trả tiền ngày 11/5/2023 có ghi hai bên tính lãi là 2%/tháng; tính đến ngày 11/5/2023 số tiền vay vẫn còn nguyên. Văn bản đã được ông T và anh Q ký tên.

Xét thấy, mức lãi suất ông T yêu cầu không vượt quá 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, thời gian yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên yêu cầu tính lãi của ông T là có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền gốc 3.400.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 19 tháng (tính từ ngày 14/12/2022 đến ngày 08/8/2024 là 19 tháng 23 ngày, tính chẵn là 19 tháng) = 1.072.360.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi anh Q có nghĩa vụ trả cho ông T là 4.477.360.000 đồng.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án anh Q có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/4/2023; ngày 15/6/2023; ngày 15/6/2023 như nêu trên. Tòa án có yêu cầu anh Q cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ký các hợp đồng nêu trên có liên quan đến việc vay số tiền 3.580.000.000 đồng của ông T, ấn định thời gian cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh, hết thời gian quy định anh Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố nên Tòa án không thụ lý yêu cầu phản tố của anh Q.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu T đối với anh Cao Tiến Q về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Cao Tiến Q có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hữu T số tiền 4.477.360.000 (bốn tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trong đó tiền gốc là 3.405.000.000 đồng, tiền lãi là 1.072.360.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Cao Tiến Q phải chịu 112.477.360 (một trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Hữu T không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T số tiền 56.120.500 (năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0002206 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tp Tây Ninh;
- CCTHADS tp Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyền